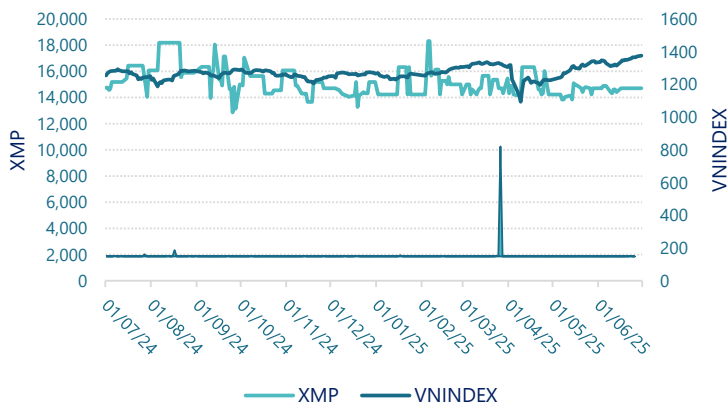




CTCP Thủy điện Xuân Minh (UPCOM: XMP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	15,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,317
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,862
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,820
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	233
P/E	9.1
EPS	1,711

DT thuần

Q2/25

23.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.40 | 17.1%

YoY: ▲ 5.00 | 27.5%

LN sau thuế

Q2/25

9.63

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.30 | 31.4%

YoY: ▲ 5.52 | 134%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

62.8%

+/- YoY: ▲ 13.3%

DT thuần

6T 2025

42.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.60 | 15.1%

LN sau thuế

6T 2025

17.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.45 | 77.7%

ROE

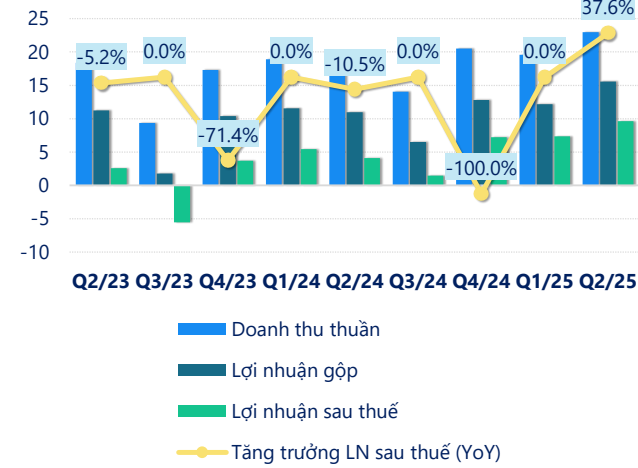
Q2/25

13.9%

+/- YoY: ▲ 9.6%

tỷ VNĐ

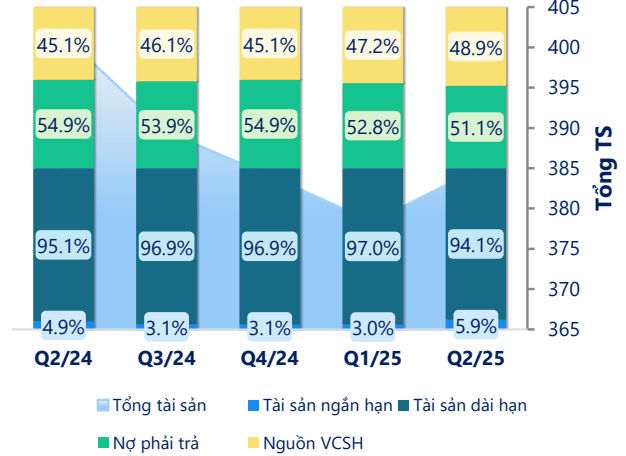
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

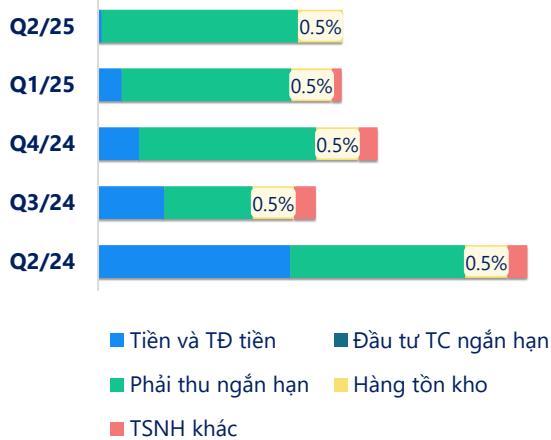
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



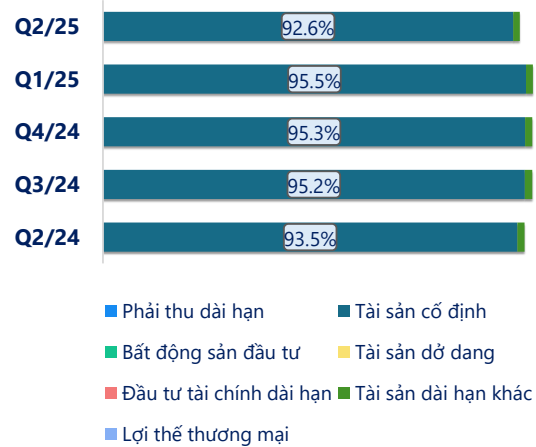
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

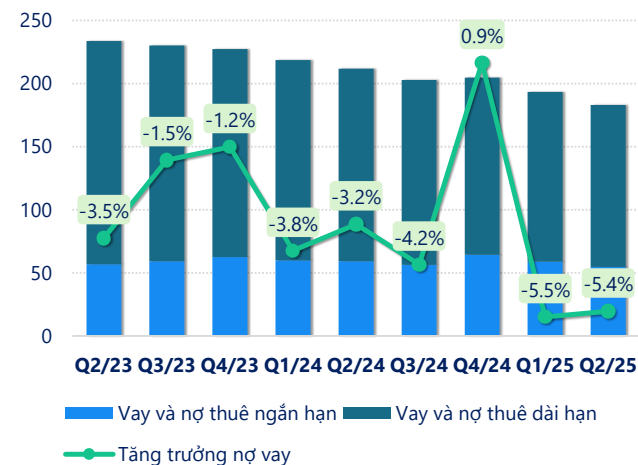
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

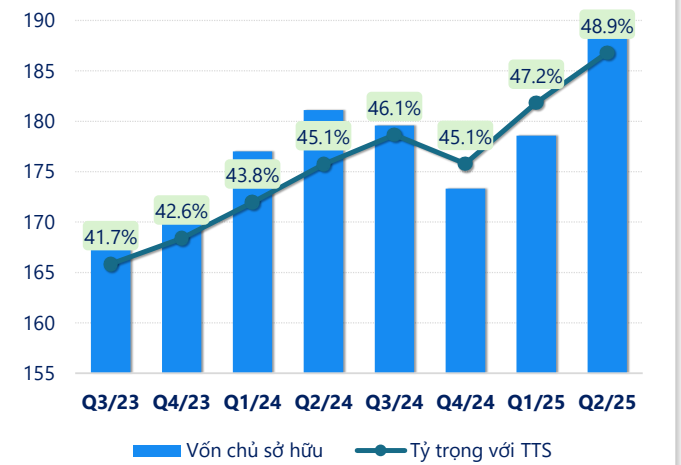
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

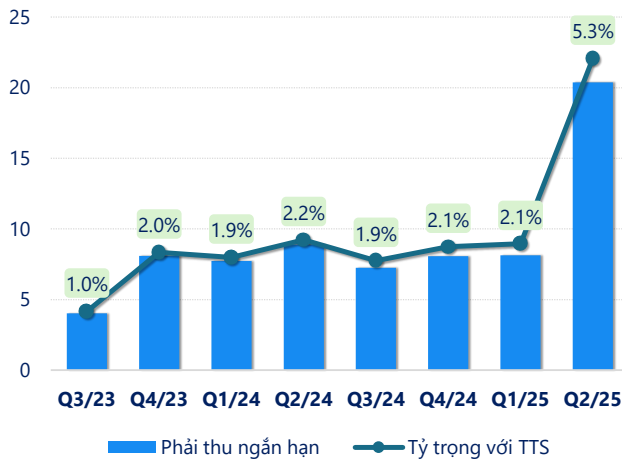
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



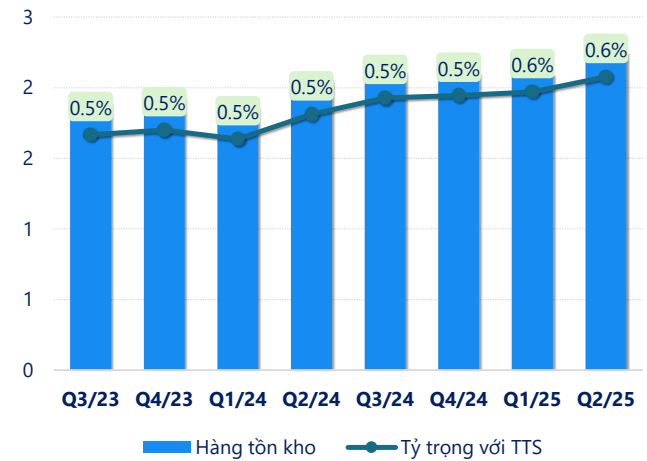
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


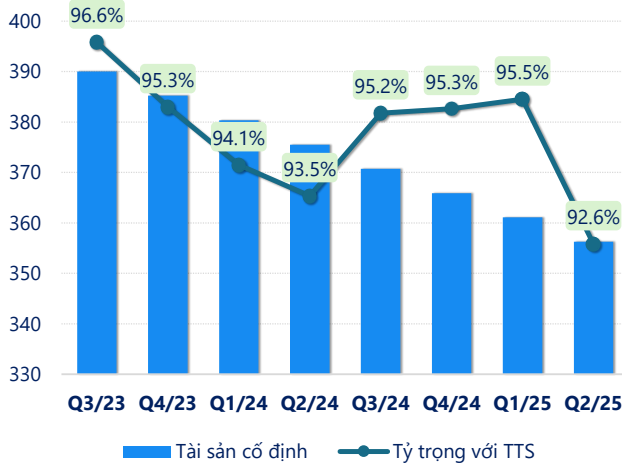
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


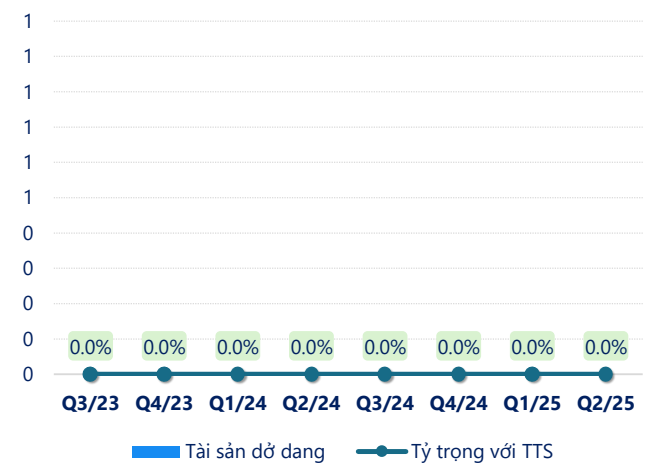
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

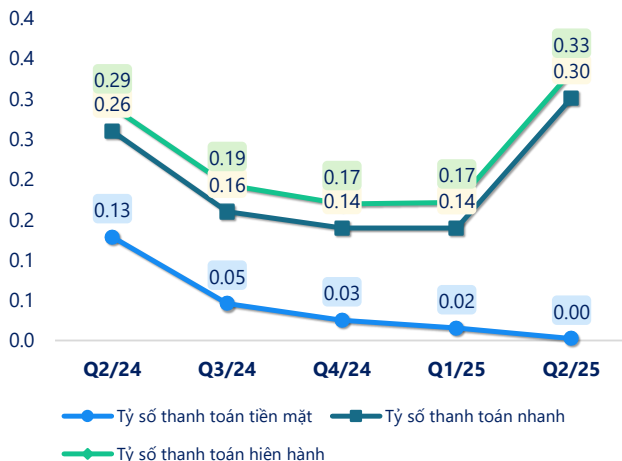
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

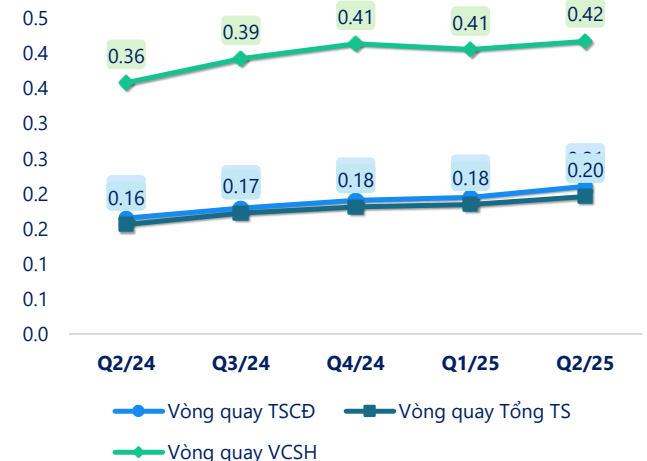
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	401	389	384	378	385
Tài sản ngắn hạn	19.6	12.3	11.9	11.2	22.8
Tiền và tương đương tiền	8.71	2.91	1.77	1.01	0.16
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	8.89	7.24	8.06	8.12	20.4
Hàng tồn kho	2.04	2.10	2.09	2.09	2.24
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0.05
Tài sản dài hạn	382	377	372	367	362
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	376	371	366	361	356
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6.33	6.54	6.27	6.00	5.73
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	220	210	211	200	197
Nợ ngắn hạn	67.7	63.4	70.3	65.4	68.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	59.1	56.3	64.3	59.0	54.7
Phải trả người bán ngắn hạn	0.18	0.60	0.19	1.26	2.32
Nợ dài hạn	153	147	140	134	128
Vay và nợ thuê dài hạn	153	147	140	134	128
Nguồn vốn chủ sở hữu	181	180	173	179	188
Vốn chủ sở hữu	181	180	173	179	188
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)